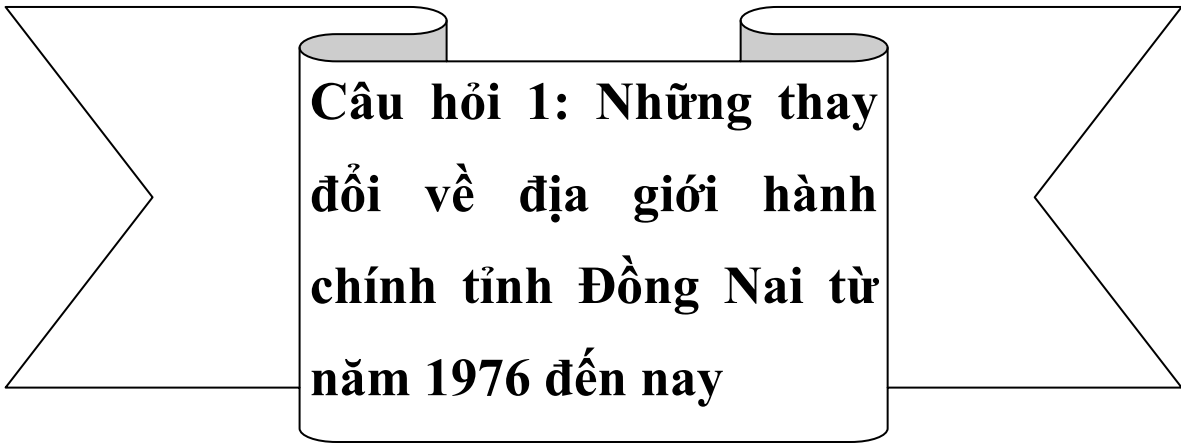


LỜI NÓI ĐẦU

Con sinh ra và lớn lên tại mảnh đất Đồng Nai, nơi đã có bề dày lịch sử hơn 320 năm. Đồng Nai là vùng đất địa linh nhân kiệt, có bề dày lịch sử hơn 310 năm đã sản sinh nhiều bậc hiền tài, được lưu hành trong sử sách. Đồng Nai là tỉnh có truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng kiên cường.

Là một người con của đất Đồng Nai, con nhận thấy rằng việc tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử là một nghĩa vụ thiêng liêng, giúp cho bản thân và mọi người hiểu hơn về bề dày lịch sử của dân tộc để từ đó mà trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử để góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Vì thế, con tham gia Hội thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa- lịch sử Đồng Nai năm 2016”.

Thông qua bài viết này, con hy vọng rằng sẽ hiểu hơn về những đóng góp to lớn của Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa và Chiến dịch Xuân Lộc trong cuộc kháng chiến của dân tộc của Đồng Nai nói riêng, Việt Nam nói chung. Từ đó, con càng thêm trân quý những đóng góp của Thủ khoa Bùi Nghĩa và ý nghĩa chiến thắng chiến dịch Xuân Lộc, góp phần cho việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa – lịch sử trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh.



**Câu hỏi 1: Những thay
đổi về địa giới hành
chính tỉnh Đồng Nai từ
năm 1976 đến nay**

Phần 1: Đôi nét về vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai trước năm 1976

Kể từ năm 1698, khi Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong, lấy đất Đồng Nai lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn làm mốc, thì đến năm 2018, vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai tròn 320 tuổi.

Người Việt vào vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai vẫn mang trong người truyền thống 4.000 năm của dân tộc, luôn canh cánh nỗi nhớ về cội nguồn dân tộc:

*"Ai đi về Bắc ta theo với
Thăm lại non sông giống Lạc Hồng
Từ độ mang gươm đi mở cõi
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long"
(Huỳnh Văn Nghệ)*





Tác giả: bên tượng đài và đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh

Với thời gian hình thành và phát triển từ năm 1698, đến năm 1976, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đã được định hình, là vùng đất có chủ quyền, văn hóa,

lịch sử phát triển lâu đời; ngoài ra, đây còn là một vùng đất – vùng văn hóa nằm trong lãnh thổ của nước Việt Nam.

Phần 2. Tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến năm 1995

Tháng 1/1976, ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú hợp thành tỉnh Đồng Nai. Như vậy tỉnh Đồng Nai được thành lập từ tháng 1 năm 1976 đến nay.

Trong đó, tỉnh Đồng Nai (gồm tỉnh Biên Hòa, tỉnh Long Khánh, tỉnh Tân Phú, tỉnh Bà Rịa (kể cả Vũng Tàu)) gồm Thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu, các huyện: Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải.

Từ năm 1976 đến nay, địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai nhiều lần được điều chỉnh. Những điều chỉnh này nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý địa bàn, cả về an ninh quốc phòng, quy hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cùng năng lực, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ công chức, nhất là ở cơ sở. Việc điều chỉnh này thường theo hướng chia nhỏ tỉnh, tách huyện lập thêm huyện mới, chuyển thị trấn (do chưa đủ điều kiện) thành huyện, chia một xã thành nhiều xã, hoặc nâng xã thành phường ở khu vực đô thị... Một số điều chỉnh có tác động đến việc thay đổi địa giới hành chính của tỉnh Đồng Nai cần lưu ý được tác giả thống kê theo dạng bảng dưới đây.

Bảng: Sự thay đổi địa giới của Tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến năm 1995

Thời gian	Căn cứ văn bản	Sự thay đổi địa giới
29/12/1978	Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 4	Cắt huyện Duyên Hải (tỉnh Đồng Nai) nhập về thành phố Hồ Chí Minh (nay là huyện Cần Giờ)
30/5/1979	Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 5	Thành lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo (gồm có thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn, huyện Châu Thành và huyện Côn Đảo của

		tỉnh Hậu Giang) Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo trực thuộc Trung ương và tương đương cấp tỉnh.
09/12/1982	Quyết định số 193.HĐBT	Thành lập huyện Trường Sa (trước đây vốn thuộc huyện Long Đất (Đồng Nai). Huyện Trường Sa bao gồm toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa.
28/12/1982	Nghị quyết của Quốc hội khóa VII, kỳ họp thứ 4	Sáp nhập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai vào tỉnh Phú Khánh (sau này thuộc tỉnh Khánh Hòa).
23/12/1985	Quyết định số 284.HĐBT	Thành lập thị xã Vĩnh An (gồm huyện Vĩnh Cửu và 2 lâm trường: Hiếu Liêm, Mã Đà) Thị xã Vĩnh An gồm 2 phường: Trị An và Cây Gáo và 11 xã: Bình Hòa, Bình Long, Bình Thạnh, Bình Phước, Bình Ý, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Tân Triều, Thiện Tân và 2 lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà. Huyện Tân Phú sau khi cắt 2 lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà thì còn lại 13 xã, 1 thị trấn.
10/04/1991	Quyết định số 107.HĐBT	Chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện: Xuân Lộc và Long Khánh.

		<p>Huyện Xuân Lộc mới gồm các xã: Xuân Định, Xuân Bảo, Xuân Phú, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hòa và Thị trấn nông trường Sông Ray. Huyện Xuân Lộc mới gồm các xã: Xuân Định, Xuân Bảo, Xuân Phú, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Trường, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hòa và Thị trấn nông trường Sông Ray.</p> <p>Huyện Long Khánh mới gồm các xã: Xuân Lập, Xuân Bình, Xuân Vinh, Xuân Tân, Xuân Đường, Xuân Mỹ và thị trấn Xuân Lộc.</p> <p>Chia huyện Tân Phú thành hai huyện: Định Quán và Tân Phú</p> <p>Huyện Tân Phú mới gồm các xã: Daklua, Núi Tượng, Phú An, Nam Cát Tiên, Phú Bình, Phú Lâm, Phú Thanh, Phú Lộc, Phú Lập, Phú Điền.</p> <p>Huyện Định Quán mới gồm</p>
--	--	---

		các xã: Phú Hoa, Phú Hòa, Phú Ngọc, Phú Cường, Suối Nho, thị trấn Định Quán.
12/08/1991	Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9	Cắt 3 huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Đồng Nai nhập với Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
26/03/1994	Nghị định 51.CP	Chia huyện Long Thành thành hai huyện: Long Thành và Nhơn Trạch
29/08/1994	Nghị định 109.CP	Lập lại huyện Vĩnh Cửu từ cơ sở thị xã Vĩnh An: Gồm 10 đơn vị hành chính: các xã Phú Lý, Tân An, Vĩnh Tân, Thiện Tân, Thạnh Phú, Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hòa, Trị An (phường Trị An cũ) và thị trấn Vĩnh An (phường Cây Gáo cũ).

Từ bảng này cho thấy, kể từ khi thành lập tỉnh Đồng Nai tháng 1/1976 đến 1995, tỉnh Đồng Nai đã nhiều lần tách, nhập các đơn vị hành chính trong tỉnh và một số huyện của tỉnh thì được tách ra, nhập về các tỉnh khác nhằm phù hợp với việc quản lý và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Phần 3. Tỉnh Đồng Nai từ 1995 đến nay

Những thay đổi của các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Đồng Nai (từ cấp huyện, thị, thành phố) trong giai đoạn từ năm 1995 đến nay:

Thời gian	Căn cứ văn bản	Sự thay đổi địa giới
21/08/2003	Nghị định 97/2003/NĐ-CP	Nâng huyện Long Khánh thành thị xã Long Khánh và các phường, xã trực thuộc (sáp nhập từ thị trấn Xuân Lộc và các xã: Xuân Lập, Bàu Sen, Suối Tre, Bình Lộc, Bảo Quang, Bảo Vinh, Xuân Tân, Xuân Thanh của huyện Long Khánh) Thành lập huyện Cẩm Mỹ (sáp nhập các xã: Xuân Quế, Sông Nhạn, Xuân Đường, Thừa Đức, Nhân Nghĩa, Long Giao, Xuân Mỹ của huyện Long Khánh; và sáp nhập các xã: Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Đông, Xuân Tây, Xuân Ray, Lâm San của huyện Xuân Lộc) Thành lập huyện Trảng Bom (sáp nhập từ các xã: Hố Nai 3, Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Sông Trầu, Tây Hòa, Trung Hòa, Đông Hòa, Hưng Thịnh, Sông Thao, Bàu Hàm, Giang Điền, An Viễn, Đồi 61, Cây Gáo, Thanh Bình và thị trấn Trảng Bom của huyện Thống Nhất)
05/02/2010	Nghị quyết	Điều chỉnh địa giới huyện Long

	số 05/NQ-CP	Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Biên Hòa (các xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước của huyện Long Thành về thành phố Biên Hòa quản lý)
30/12/2015	Quyết định 2488/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Biên Hòa trở thành đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Đồng Nai, thị xã Long Khánh trở thành đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh khóa VIII, ngày 16/01/2015, các đại biểu HĐND tỉnh đã thông qua Đề án điều chỉnh, thành lập mới đơn vị hành chính cấp xã thuộc các huyện Thống Nhất, Định Quán, Xuân Lộc và TP. Biên Hòa. Đề án đang trong giai đoạn chờ Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai thực hiện. Vậy là trong tương lai, chắc chắn sẽ tiếp tục có những thay đổi về địa giới hành chính trong nội bộ tỉnh Đồng Nai nhằm phù hợp hơn trong công tác quản lý, phát triển kinh tế và văn hóa – xã hội ở từng địa phương.

Kỳ họp bất thường diễn ra vào ngày 26/9/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thông qua các nghị quyết điều chỉnh địa giới hành chính 6 xã gồm: Bình Sơn, Suối Trầu, Cẩm Đường, Long An, Long Phước, Bàu Cạn thuộc huyện Long Thành để thực hiện dự án xây dựng cảng hàng không quốc tế Long Thành và thông qua các nghị quyết về việc thành lập các phường trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng diện tích và dân số các xã Hóa An, Hiệp Hòa, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước và Tân Hạnh (thuộc TP Biên Hòa); Huyện Nhơn Trạch sẽ thành lập thị trấn Hiệp Phước trên cơ sở xã Hiệp Phước; huyện Thống Nhất sẽ thành lập thị trấn Dầu Giây và điều chỉnh địa giới hành chính các xã Hưng Lộc,

Bàu Hàm 2, Xuân Thạnh, Quang Trung; thị xã Long Khánh sẽ trở thành thành phố Long Khánh.

Phần 4. Đôi nét về tỉnh Đồng Nai hiện nay

Hiện nay, Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 1 thành phố và 1 thị xã và 9 huyện, chia làm 136 xã, 29 phường và 6 thị trấn.

Đơn vị hành chính	Thành phố <u>Biên Hòa</u>	Thị xã <u>Long Khánh</u>	Huyện <u>Trảng Bom</u>	Huyện <u>Long Thành</u>	Huyện <u>Nhơn Trach</u>	Huyện <u>Vĩnh Cửu</u>	Huyện <u>Xuân Lộc</u>	Huyện <u>Định Quán</u>	Huyện <u>Tân Phú</u>	Huyện <u>Thống Nhất</u>	Huyện <u>Cẩm Mỹ</u>
Diện tích (km²)	264,08	197,2	326,11	431,01	410,8	1.092,01	725,84	966,5	774	247,19	467,95
Dân số (người)	1.144.974	198.000	308.439	303.594	301.372	160.377	250.880	227.324	180.528	172.900	172.000
Mật độ dân số	4.186	1.014	2.044	1.366	1.104	280	380	214	214	660	331
Số đơn vị hành chính	23 phường, 7 xã	6 phường, 9 xã	16 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	12 xã	11 xã, 1 thị trấn	14 xã, 1 thị trấn	13 xã, 1 thị trấn	17 xã, 1 thị trấn	10 xã	13 xã
Năm thành lập	1976	2003	2003	1994	1994	1994	1991	1991	1991	2003	2003

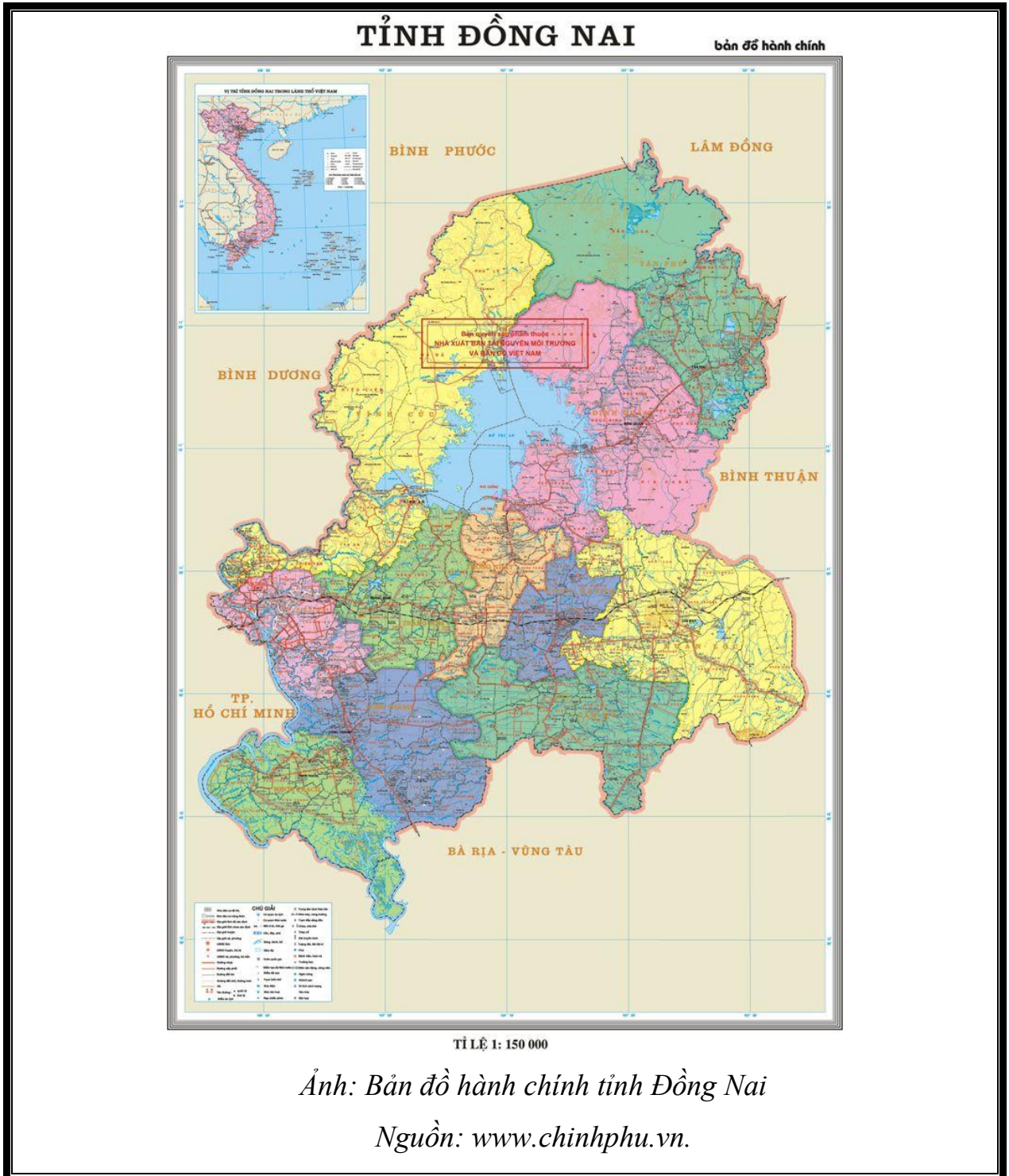
Đồng Nai là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ Việt Nam. Đây là tỉnh có dân số đông thứ nhì miền nam (sau Thành phố Hồ Chí Minh) có diện tích lớn thứ nhì ở miền đông (sau Tỉnh Bình Phước) và thứ ba ở miền nam (sau Tỉnh Bình Phước và Tỉnh Kiên Giang). Đồng Nai có thành phố Biên Hòa là thành phố trực thuộc tỉnh có dân số đông nhất cả nước. Dân số Đồng Nai hiện nay đang đứng thứ 5 cả nước.

Tỉnh lỵ của Đồng Nai hiện nay là thành phố Biên Hòa, cách Thành phố Hồ Chí Minh 30 km, cách Hà Nội 1.684 km theo đường Quốc lộ 1A. Tỉnh được xem là một tỉnh cửa ngõ đi vào vùng kinh tế Đông Nam Bộ - vùng kinh tế phát

triển và năng động nhất cả nước. Đồng thời, Đồng Nai là một trong ba góc nhọn của tam giác phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai. Đồng Nai là đơn vị có dân số đông thứ 5 cả nước. Dân cư tập trung phần lớn ở TP. Biên Hòa với hơn 1 triệu dân và 2 huyện Trảng Bom, Long Thành.

Vị trí địa lý

Tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với diện tích tự nhiên là 5.907,2 km². Đồng Nai có tọa độ từ 10o30’03 đến 11o34’57’’B và từ 106o45’30 đến 107o35’00’’Đ. Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Dương. Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh và là một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ.



Điều kiện tự nhiên.

Tỉnh Đồng Nai có địa hình vùng đồng bằng và bình nguyên với những núi sót rải rác, có xu hướng thấp dần theo hướng bắc nam, với địa hình tương đối bằng phẳng. Địa hình có thể chia làm các dạng là địa hình đồng bằng, địa hình trũng trên trầm tích đầm lầy biển, địa đồi lượn sóng, dạng địa hình núi thấp, đất

phù sa, đất gley và đất cát có địa hình bằng phẳng, nhiều nơi trũng ngập nước quanh năm. Đất đen, nâu, xám hầu hết có độ dốc nhỏ hơn 8o, đất đỏ hầu hết nhỏ hơn 15o. Riêng đất tầng mỏng và đá bọt có độ dốc cao. Tỉnh Đồng Nai có quỹ đất phong phú và phì nhiêu. Có 10 nhóm đất chính, tuy nhiên theo nguồn gốc và chất lượng đất có thể chia thành 3 nhóm chung gồm: các loại đất hình thành trên đá bazan, các loại đất hình thành trên phù sa cổ và trên đá phiến sét, các loại đất hình thành trên phù sa mới. Trong tổng diện tích tự nhiên, diện tích đất nông nghiệp chiếm 49,1%, diện tích đất lâm nghiệp chiếm 30,4%, diện tích đất chuyên dùng chiếm 13%, diện tích đất khu dân cư chiếm 2,1%, diện tích đất chưa sử dụng chiếm 5,4%.

Khí hậu Đồng Nai là khí hậu nhiệt đới gió mùa, có hai mùa tương phản nhau là mùa khô và mùa mưa. Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 11. Khoảng kết thúc mùa mưa dao động từ đầu tháng 10 đến tháng 12. Nhiệt độ trung bình năm 25 – 27oC, nhiệt độ cao nhất khoảng 20,5oC, số giờ nắng trong năm 2.500 – 2.700 giờ, độ ẩm trung bình 80 – 82%.

Rừng Đồng Nai có đặc trưng cơ bản của rừng nhiệt đới, có tài nguyên động, thực vật phong phú đa dạng, tiêu biểu là vườn quốc gia Nam Cát Tiên. Tài nguyên khoáng sản khá phong phú về chủng loại như kim loại quý, kim loại màu, đá quý, nguyên liệu gốm sứ, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng, than bùn, nước khoáng và nước nóng

Kinh tế

Năm 2011, mặc dù kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn thách thức, tuy nhiên tổng sản phẩm nội địa (GDP) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tăng vẫn 13,32% so với năm 2010, trong đó, dịch vụ tăng 14,9%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9% công nghiệp - xây dựng tăng 14,2%

Quy mô GDP năm 2011 toàn tỉnh đạt 96.820 tỷ đồng, GDP bình quân đầu người đạt 36,6 triệu đồng, các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh hầu hết đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra. Cơ cấu kinh tế của tỉnh

chuyên dịch theo hướng tích cực, công nghiệp - xây dựng chiếm 57,3%, nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 7,5%, dịch vụ chiếm 35,2%. Kim ngạch xuất khẩu đạt 9,8 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ, thu ngân sách trên địa bàn đạt 22.641,2 tỷ đồng. đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 900 triệu USD, vốn đầu tư trong nước đạt 15.000 tỷ đồng...Cũng trong năm 2011, toàn tỉnh có 5.200 lượt hộ nghèo được vay vốn với số tiền 67 tỷ đồng. Số hộ nghèo năm 2011 giảm 7.800 hộ, hạ tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5%.

Trong 9 tháng đầu năm 2012, theo đánh giá, hầu hết các lĩnh vực đều tăng chậm hơn so với cùng kỳ các năm trước do ảnh hưởng từ những khó khăn chung của nền kinh tế trong và ngoài nước, ngoại trừ lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài vẫn tăng mạnh. Sản xuất công nghiệp trong 9 tháng tăng hơn 7% với 12 ngành công nghiệp tăng và 4 ngành giảm. Tăng trưởng GDP của tỉnh đạt 11,87% so với cùng kỳ năm 2012, đạt trên 70% kế hoạch, trong đó lĩnh vực dịch vụ tăng cao nhất với 14,51% so với cùng kỳ. Ngoài ra, tổng mức bán lẻ tăng 20% so với 9 tháng đầu năm 2011, chỉ số giá tiêu dùng tăng 6.14% so với cuối năm 2011. Xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2012 đạt trên 7,9 tỷ USD, nhập khẩu đạt hơn 7,5 tỷ USD.

Dân cư

Tính đến năm 2011, dân số toàn tỉnh Đồng Nai đạt gần 2.665.100 người, mật độ dân số đạt 451 người/km² Trong đó dân số sống tại thành thị đạt gần 897.600 người, chiếm 33% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.767.500 người, chiếm 67% dân số. Dân số nam đạt 1.311.200 người, trong khi đó nữ đạt 1.353.900 người. Tỷ lệ tăng tự nhiên dân số phân theo địa phương tăng 12,0%.

Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2009, toàn tỉnh Đồng Nai có 13 Tôn giáo khác nhau, nhiều nhất là Công giáo có 797.702 người, Phật giáo có 339.623 người, Đạo Cao Đài có 13.978 người, các tôn giáo khác như Tin Lành có 11.577 người, Hồi giáo 2.868 người, Phật giáo hòa hảo có 1.514 người, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam có 118 người, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 36 người, Minh Sư

Đạo có 39 người, Bahá'í có 63 người, Bà-la-môn có 15 người, Minh Lý Đạo có 12 người, còn lại là đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có hai người.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2009, toàn tỉnh Đồng Nai có đủ 54 dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống. Trong đó người Kinh có 2.311.315 người, người Hoa có 95.162 người, người Nùng có 19.076 người, người Tày có 15.906 người, người Khmer có 7.059 người, còn lại là những dân tộc khác như Mường, Dao, Chăm, Thái... Ít nhất là người Si La và Ô Đu chỉ có một người.

Giao thông

Đồng Nai là một tỉnh có hệ thống giao thông thuận tiện với nhiều tuyến đường huyết mạch quốc gia đi qua như quốc lộ 1A, quốc lộ 20, quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc - Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước đồng thời có vai trò gắn kết vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên. Các dự án đường sắt cao tốc Bắc Nam, đường cao tốc Bắc Nam đều đi qua Đồng Nai.

Tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua dài 87,5 km với 8 ga: Biên Hoà, Hồ Nai, Trảng Bom, Dầu Giây, Long Khánh, Bảo Chánh, Gia Ray và Trảng Táo. Tuyến đường sắt này là mạch máu giao thông quan trọng nối liền các tỉnh phía Bắc và Thành phố Hồ Chí Minh. Cảng hàng không quốc tế Long Thành là cửa ngõ đường hàng không vào Việt Nam cho khu vực Đông Nam Á và thế giới. Về giao thông đường thủy thì trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 3 khu cảng gồm có Khu cảng trên sông Đồng Nai, Khu cảng trên sông Nhà Bè – Lòng Tàu, và Khu cảng trên sông Thị Vải. Trong đó Khu cảng trên sông Đồng Nai gồm có các cảng là Cảng Đồng Nai, cảng SCTGAS-VN và cảng VTGAS (sử dụng bốc xếp hàng lỏng quy mô cho tàu 1000 DWT), Cảng tổng hợp Phú Hữu II, Cảng tại khu vực Tam Phước, Tam An. Các cảng tại Khu cảng trên sông Nhà Bè – Lòng Tàu gồm có cảng gỗ mảnh Phú Đông, cảng xăng dầu Phước Khánh, cảng nhà máy đóng tàu 76, cảng tổng hợp Phú Hữu 1, cảng cụm Công nghiệp Vật liệu xây dựng

Nhon Trạch, cảng nhà máy dầu nhờn Trâm Anh, cảng VIKOWOCHIMEX, cảng Sun Steel – China Himent, và các cảng chuyên dùng khác. Các cảng Khu cảng trên sông Thị Vải gồm có cảng Phước An, cảng Phước Thái, cảng Gò Dầu A, cảng Gò Dầu B, cảng Super Photphat Long Thành, cảng nhà máy Unique Gas.

Giáo dục

Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Nai có 529 trường học, trong đó có Trung học phổ thông có 48 trường, Trung học cơ sở có 167 trường, Tiểu học có 297 trường, trung học có 16 trường, có 1 trường phổ thông cơ sở, bên cạnh đó còn có 263 trường mẫu giáo. Với hệ thống trường học như thế, nền giáo dục trong địa bàn tỉnh Đồng Nai cũng tương đối hoàn chỉnh, góp phần giảm thiểu nạn mù chữ trong địa bàn tỉnh.

Đồng Nai là một trong những tỉnh có vị trí gần Thành phố Hồ Chí Minh nên có nhiều thuận lợi trong các lĩnh vực công nghệ khoa học, trong đó, mạng lưới y tế cũng rất phát triển. Cho đến nay, Đồng Nai đã thành lập được 11 bệnh viện tuyến huyện trên 11 huyện, thị xã và thành phố Biên Hòa. Ngoài ra, Đồng Nai còn có các bệnh viện lớn. Và một số các cơ sở bệnh viện tư nhân, phòng khám đa khoa tư nhân khác trên địa bàn tỉnh:

Bên cạnh đó còn có Hệ thống phòng khám và chăm sóc sức khỏe Quốc tế Mỹ đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận khám chữa bệnh mà các bệnh viện, phòng khám khác không đáp ứng được nhu cầu.

Tôn Giáo

Đồng Nai từ lâu đời là một địa bàn sinh tụ và cư trú của nhiều dân tộc với các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, có sự giao lưu và ảnh hưởng tôn giáo lẫn nhau.

Vào khai hoang lập ấp ở Đồng Nai, người Việt đã trải qua nhiều giai đoạn, nhiều chặng đường. Ngoài văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống được mang theo vào vùng đất mới, người Việt đã tiếp nhận có chọn lọc các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cư dân mà họ cùng sinh sống. Khi

người phương Tây vào truyền giáo, họ lại tiếp nhận văn hóa Ki tô giáo. Do điều kiện lịch sử, địa lý nhân văn nên tín ngưỡng tôn giáo Đồng Nai không mang tính cổ điển mà được hỗn dung nhiều nguồn, nhiều phía tạo nên sắc thái riêng. Dù theo tôn giáo này hay tôn giáo khác thì truyền thống thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ những người có công với dân, với nước, nhớ ơn nghĩa người xưa theo đạo lý "uống nước nhớ nguồn" vẫn là truyền thống phổ biến nhất, sâu rộng nhất.

Hiện nay Đồng Nai là một địa bàn đa tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao đài, Hòa Hảo, Hồi giáo... Trong đó, Công giáo và Phật giáo là hai tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất. Công giáo tập trung đông đúc ở TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.

Văn hóa và Du lịch

Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử, văn hoá và các điểm du lịch có tiềm năng: Văn miếu Trấn Biên (Biên Hòa), đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, khu du lịch Bửu Long, khu du lịch ven sông Đồng Nai, Vườn quốc gia Nam Cát Tiên, làng bươi Tân Triều, khu du lịch sinh thái Thác Mai - hồ nước nóng, Đảo Ó, chiến khu Đ, mộ cổ Hàng Gòn, đàn đá Bình Đa, khu du lịch thác Giang Điền, khu du lịch Long Châu Viên (Xuân Tân, Long Khánh), khu du lịch Vườn Xoài, khu di tích cấp quốc gia núi Chứa Chan (núi Gia Lào), Hồ Núi Le (Xuân Lộc).

Đồng Nai và Bình Dương là hai tỉnh miền Đông Nam Bộ có nghề nghiệp truyền thống nổi tiếng là gốm sứ. Sản phẩm gốm sứ của Đồng Nai có nhiều loại và không giống như các sản phẩm gốm sứ truyền thống khác ở miền Bắc và miền Trung. Phương pháp nghệ thuật tạo hoa văn cho sản phẩm của gốm sứ Đồng Nai là kết hợp giữa khắc nét chìm và tro thủng sản phẩm gốm rồi quét men nhưng không có sự phân biệt nước men và màu ve.

Ngoài ra, Đồng Nai còn có nhiều nghề nghiệp tiểu thủ công nghiệp truyền thống như đan lát, mây tre lá nhờ nguồn tài nguyên là các rừng lá buông của địa phương.

Gia công đồ mỹ nghệ, làm các sản phẩm từ gỗ công nghệ, chế biến nông sản, sản xuất gạch ngói, đúc đồng, đúc gang... là những ngành nghề truyền thống

nổi tiếng của Đồng Nai. Nắm bắt được thế mạnh này, Đồng Nai ra sức bảo vệ nghề truyền thống và thành lập các cụm công nghiệp nghề truyền thống, mở các lớp đào tạo nghề truyền thống là giải pháp then chốt và mới mẻ nhưng có tính cách lâu dài và là bước đi đúng đắn bảo vệ ngành nghề truyền thống trước sức ép phát triển của quá trình đô thị hóa, hội nhập kinh tế và đầu tư nước ngoài cho các ngành công nghiệp và dịch vụ hiện đại.



Tác giả tựa Trụ sở UBND tỉnh Đồng Nai

Câu hỏi 2: Trình bày những chiến công tiêu biểu của Quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975)? Cho biết cảm nhận của bản thân về truyền thống đấu tranh cách mạng của Quân dân Biên Hòa – Đồng Nai.

**PHẦN 1: NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN
BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954)**

1. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bây giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu.

Lãnh đạo tổ chức trại gồm: Phan Đình Công - thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiều, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hớn phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Biên Hòa.

Địa điểm được chọn để mở trường huấn luyện là ấp Vĩnh Cửu thuộc xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ấp Vĩnh Cửu chỉ cách thành phố Biên Hòa khoảng 6 km theo đường kiểm đất đỏ ra quốc lộ 15 chỉ 800 mét. Vĩnh Cửu (lúc này) có địa hình rừng chồi, rừng già chỉ cách 2 km, trong ấp có khoảng vài chục căn nhà lợp lá của dân. Ngôi nhà ngói duy nhất của ấp Vĩnh Cửu là nhà thầy giáo Hồ Văn Thề, dựa lưng rừng chồi và Suối Linh. ông giáo Thề đã nhường ngôi nhà này để làm văn phòng ban chỉ huy của trại. Trước nhà là mảnh ruộng lớn dùng làm bãi tập quân sự. Học viên của trại được bố trí ăn ở ngay trong nhà dân. Hàng ngày Ủy ban Nhân dân tỉnh đều có hai xe ca chở lương thực tiếp tế cho trại.

Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa phương khác:

- Phân đội nhà máy cưa Biên Hòa (BIF)
- Phân đội Tân Phong do Nguyễn Chức Sắc chỉ huy (ông nguyên là công chức sở Đạc điền Biên Hòa) - Một tiểu đội lính Nhật theo kháng chiến 10 người từ Tân Vạn lên tham gia.
- 20 người, gồm cả đảng viên Cộng sản ở hộ 6 Sài Gòn.
- Công nhân xe lửa Sài Gòn (7 người).
- Thanh niên các xã và nhiều công, tư chức ở Biên Hòa, Sài Gòn...

Điều đáng nói là tuy trường mới thành lập, nhưng lại có số lượng súng khá lớn (78 khẩu) đủ để huấn luyện và chiến đấu. Số lượng vũ khí này tập hợp từ nhiều nguồn:

Số súng do anh Nguyễn Đình Ưu cung cấp. Nguyễn Đình Ưu quê ở Nghi Lộc (Nghệ An), tốt nghiệp trường Cao đẳng thương mại Hà Nội, năm 1941 được bổ nhiệm làm giám đốc Nông phố ngân hàng Biên Hòa (Office Indochinois de crédit agricole mutuel - OICAM). Khi Nhật bị thua trận trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, một sĩ quan Nhật quen biết với Ưu đã cho anh một số súng đạn. Ưu cất kỹ trong cơ quan, khi trại du kích Vĩnh Cửu thành lập, anh đã chuyển giao gồm 40 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, đạn, lựu đạn, mìn chống tăng, gươm Nhật.

- 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, tịch thu của thực dân Pháp sau tháng 8 -1 945 do Ủy ban Nhân dân tỉnh chuyển giao.
- 10 khẩu súng trường Nhật do tiểu đội "Việt Nam mới" mang theo cùng đồng chí Lắm từ Tân Vạn về gia nhập trại.
- Đoàn Thanh niên cứu quốc Biên Hòa mang 4 khẩu súng trường.

Giảng viên chính của trại gồm: Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Nguyễn Xuân Diệu nguyên là bí thư chi bộ hộ 6 ở Sài Gòn; còn Nguyễn Trí Định là đảng viên chi bộ Hòa Hưng (Sài Gòn), được đào tạo ở trường thiếu sinh quân của Pháp (Enfants de troupe), đã từng làm đội cho Pháp trong đồn Chí Hòa, người quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh. Tham gia huấn luyện quân sự còn có nhóm "Việt Nam mới".

Tài liệu giảng dạy gồm có quyển: "chiến thuật du kích" của Nguyễn Ái Quốc, quyển Infanterie militaire (bộ binh) của Pháp.

Phân công trong ban lãnh đạo của trại:

- + Phan Đình Công, phụ trách chung.
- + Nguyễn Xuân Diệu, phụ trách nội chính, huấn luyện.
- + Nguyễn Trí Định, giảng viên huấn luyện tác chiến.
- + Bác sĩ Văn, phụ trách y tế.

+ Nhà sư Đào Đăng Nam, phụ trách do thám

+ Phạm Thiều, Thanh Sơn, giảng viên chính trị.

Nội dung huấn luyện quân sự gồm: huấn luyện đội ngũ, chiến thuật chiến đấu cá nhân, chiến đấu tiểu đội, trung đội; cách sử dụng các loại vũ khí (súng trường, trung liên, lựu đạn, phóng lựu) . Đặc biệt, học viên còn được dạy cách đánh xe tăng bằng mìn chống tăng do Hòa Xang, nguyên là lính lái xe tăng trước đây của Nhật hướng dẫn. Học viên còn được học võ Judo, kỹ thuật đánh cận chiến bằng lưỡi lê...

Chương trình huấn luyện chính trị gồm các nội dung: năm bước công tác cách mạng (điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, đấu tranh); đạo đức cách mạng, hy sinh vì Tổ quốc, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dân chủ và kỷ luật, quan hệ với dân, khí tiết cách mạng...; nước Việt Nam thời Pháp thuộc, Nhật thuộc; cách mạng dân chủ mới; chương trình Mặt trận Việt Minh; chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Tháng 10-1945, quân Nhật ở Biên Hòa theo lệnh Đồng minh lũng sục vào Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy trại quyết định chuyển trường về bên kia quốc lộ 15, đóng ở đồi An Hảo, trong một ngôi biệt thự của chủ xí nghiệp gạch ngói người Pháp. Nhưng 5 ngày sau, trường lại dời về đình Bình Đa. Đình Bình Đa vừa là trung tâm chỉ huy của trường, vừa là hội trường để lên lớp cho các học viên. Khi trường dời về đình Bình Đa, chính là lúc đoàn quân Nam tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy vào đến Biên Hòa. Trường được tăng cường thêm một số giảng viên quân sự, chính trị đã tốt nghiệp trường quân chính Việt Bắc như: Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục...

Trường đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày. Tuy thời gian huấn luyện ngắn nhưng những chiến sĩ tốt nghiệp tại trường du kích Vĩnh Cửu vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận... Đó chính là những cán bộ quân đội kiểu mới. Hầu hết các học viên sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Nhà thầy giáo Thê, giáo Tỏi, giáo Tòng, những người hết lòng ủng hộ, giúp đỡ cho trường hoạt động bị địch cho xe tăng ủi sập, phá hủy toàn bộ. Trường chỉ ở Suối Linh vài ngày, sau đó để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên).

Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận...



Ảnh: Các cán bộ chiến sĩ Chi Đội 10 (đơn vị được thành lập từ Trại huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu) chia sẻ ký ức về đồng đội trong buổi họp mặt
Nguồn ảnh: Báo Lao Động Đồng Nai

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp.

Thực chất trại Vĩnh Cửu, trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là một tổ chức quân sự tập trung có quân số khá đông (4 phân đội 100 người), có tổ chức chỉ huy. Đó

là một đội quân có quy củ, được trang bị mạnh ngay từ những ngày đầu kháng chiến, có sự lãnh đạo của Tỉnh Ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh. Trại là một trong những lực lượng quan trọng hợp thành chi đội 10 Biên Hòa sau này.

2. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời còn rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lấy độc lập tự do...

Thực dân Pháp âm mưu xâm lược lại nước ta lần nữa. Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, lợi dụng danh nghĩa Đồng minh, tháng 8-1945, quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn và liên tục gây hấn. Rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam bộ đã bùng nổ. Lời kêu gọi kháng chiến của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã thể hiện rõ quyết tâm của toàn dân ta nói chung và nhân dân Nam bộ nói riêng "Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước".

Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Trước đó, Tỉnh ủy, ủy ban Nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ trang, đưa lực lượng vũ trang Kinh-Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn Gia Định chống Pháp; vừa phát động vườn không nhà trống, phát lệnh toàn dân "tiêu thổ kháng chiến". Các cơ quan lãnh đạo và các đoàn thể đều rút ra vùng căn cứ Tân Uyên và vùng ven thị xã, xây dựng căn cứ du kích như Bình Đa, Hố Cạn (Tân Phong).

Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... và bắt tay xây

dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10-1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành. Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12-1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất.

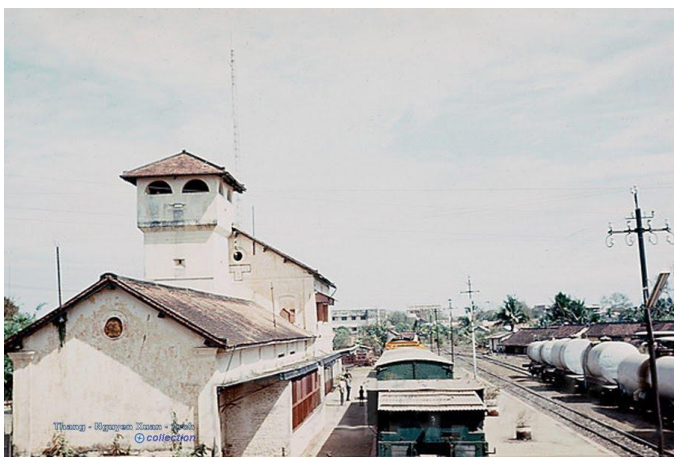
Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi "thành quả" lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ.

Đề đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông. Cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết.

Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy. Phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sĩ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các

công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu...

Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Học Môn – Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.



Ảnh: Ga Biên Hòa xưa, một trong những nơi diễn ra trận tập kích đầu tiên của lực lượng Cách mạng vào tỉnh lỵ Biên Hòa
Nguồn ảnh: Internet

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất.

Đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua

gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa.

Tiếng súng của các lực lượng kháng chiến trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa như đánh thức ngay lòng người dân đang bị địch kìm kẹp trong nội ô. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng không thể tin rằng quân kháng chiến ở Biên Hòa lại có khả năng tập hợp, di chuyển nhanh chóng sau khi rút khỏi thị xã. Đồng chí Nguyễn Văn Quảng (Năm Phòng) chiến sĩ phân đội 4 nhớ lại khung cảnh trận đánh như sau: "Khắp bầu trời thị xã như sôi lên ùng ục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo tiếng nổ ùng ình như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dẫn lêch thếch theo đoàn quân..."

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đúng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

3. Trận La Ngà

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A,B,C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành.

Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa - Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận càn của thực dân Pháp vào chiến khu Đ. Một loạt trận đánh vũ trang thắng lợi cho thấy đơn vị đã trưởng thành cả về chỉ huy, chiến đấu, có đủ khả năng thực hiện những trận đánh tập trung có quy mô lớn.

Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc

đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và nguy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt.

Cân nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt khu bộ phó khu 7. Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, chi đội phó đảm trách.



Tượng đài chiến thắng La Ngà

Nguồn: Báo Đồng Nai

Tổ chức một trận đánh tập trung toàn chi đội (tương đương một trung đoàn), trận địa cách căn cứ 80 km đường rừng đặt ra cho Ban chỉ huy nhiều vấn đề:

+ Làm thế nào giải quyết được lương thực cho trên 1000 quân đủ ăn từ 7 đến 10 ngày?

+ Làm thế nào điều được đoàn xe đi theo đúng kế hoạch thời gian của Ban chỉ huy đề ra, để hạn chế sự phản kích bằng máy bay của địch.

+ Làm thế nào đảm bảo bí mật trận đánh, đánh nhanh giải quyết nhanh chiến trường?

Vấn đề lương thực chỉ được giải quyết bằng cách dựa vào nhân dân. Ban chỉ huy đã cử một phân đội trinh sát đặc biệt lên Định Quán kết hợp chặt chẽ với Huyện đội, Mặt trận Việt Minh Xuân Lộc đi vận động công nhân ở từng sở cao su, tổ chức kho dự trữ lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Tuy đời sống rất khó khăn, nhưng công nhân đã bớt khẩu phần ăn, đóng góp lương thực, đồng bào dân tộc Châu ro, Stiêng cũng tích cực ủng hộ lương thực cho chi đội. Gần một tháng, chi đội đã lập được các kho lương thực đủ theo kế hoạch đề ra. Ban trinh sát chi đội 10 liên tục bám quốc lộ 20 theo dõi các đoàn công voa địch đi về Biên Hòa, Đà Lạt, nắm chắc quy luật tổ chức đội hình các đoàn xe, tốc độ, thời gian cũng như khoảng cách từng xe một. Từ quy luật này, Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9 km trên quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C, đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3 km ở phía đông quốc lộ 20 với những đồng lúa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Quốc lộ 20 đoạn từ cây số 104 đến 113 rất khúc khuỷu, trời chiều có sương mù, nếu đánh ban trưa không có lợi bằng đánh vào buổi chiều vì sương mù sẽ hạn chế tầm quan sát của máy bay. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50 km, đón ngã cây hai bên đường, đào đường; đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch. Kế hoạch hành quân và tác chiến phải tuyệt đối bí mật, chỉ phổ biến đến cán bộ chỉ huy cấp đại đội.

Nhờ thu được nhiều máy vô tuyến của Pháp trong trận chống càn ở chiến khu Đ vào tháng 2 -1948, Ban chỉ huy chi đội có điều kiện liên lạc bằng điện đàm thông suốt trên cả ba mặt trận kéo dài 9 km.

Đêm 26 - 2- 1948, chi đội 10 cùng liên quân 17 của quân khu 7 hành quân từ chiến khu Đ lên quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28 - 2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn

uồng ở tả ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, giám đốc bình công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi nghi trang bên trên. Quốc lộ 20 khúc khuỷu, hai bên là rừng, voi thường qua lại, phân voi rừng rất quen mắt với các đoàn công voa, địch ít chú ý.

Sáng 1 – 3 - 1948, trên toàn tuyến trận địa, các chiến sĩ chi đội 10 Biên Hòa đã sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái căng thẳng chờ đợi địch.

Cùng sáng ngày đó, đoàn công voa 70 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu khởi hành từ Sài Gòn. Khi đến Hồ Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tĩa, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỗi mét. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. Trung úy Jeffrey, chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe liên lạc với bót La Ngà. Tên sếp bót cho hay tình hình không có gì lạ. Jeffrey lại gọi điện cho đại tá Talès chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai thượng đề nghị cho nghỉ lại hoặc cho thêm quân hộ tống. Talès trả lời dứt khoát: Đây là khu vực đã bình định, đoàn xe cứ đi, vừa đi vừa bắn mạnh vào hai bên đường. Cả đoàn xe lại lăn bánh vào trận địa trong tiếng súng nổ liên tục hai bên đường. Chiến sĩ chi đội 10 vẫn im lặng, kiên nhẫn chờ đợi.

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bông lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa.

15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Đoàn công voa của giặc như con rồng uốn khúc trên quốc lộ 20, vật vã lồng lộn, oằn oại, bốc cháy ngả nghiêng. Xác quân Pháp ngổn ngang trên xe, dưới đường.

Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương. Trận đánh đã kết thúc mà trên đoạn đường dài 9 km vẫn còn khói lửa ngút trời, tiếng nổ của đạn, bánh xe thỉnh thoảng lại vang lên giữa núi rừng.

50 hành khách gồm người lớn tuổi, trẻ em sau khi được giải thích đường lối kháng chiến của cách mạng, được phóng thích ngay buổi chiều về Sài Gòn. Hơn 200 hành khách còn lại và binh lính Pháp bị thương được bộ đội đưa vào khu rừng Suối Cát, cách lộ 20 trên 5 km về phía tây.

Nhờ có lương thực dự trữ, các hành khách gồm cả Pháp, Việt, Ấn, Hoa đều được phát cơm nắm, cá khô nướng, người bị thương đều được chăm sóc. Trước thái độ hiên ngang, ân cần, chu đáo của bộ đội, hàng trăm hành khách từ trạng thái lo sợ đã từng bước thân thiện, cảm phục quân kháng chiến "gian khổ mà hiên ngang".

Giáo sư sử học người Pháp tên Hoa Rô (có con trai là trung úy Hoa Rô trưởng phòng nhì chi khu Xuân Lộc) sau một ngày ở "bung biển" cùng bộ đội đã bộc lộ suy nghĩ: "Những điều tai nghe, mắt thấy đưa chúng tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hoàn toàn trái ngược với những điều chúng tôi biết được trước đây qua tuyên truyền chính thức của chính phủ Pháp. Là giáo sư sử học, tôi hiểu chính nghĩa thuộc về các bạn, các bạn nhất định thắng. Tự thâm tâm chúc các bạn sớm thành công".

Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu.

Sáng ngày 2-3-1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng.

Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. La Ngà là chiến thắng giao thông lớn nhất ở miền Đông bấy giờ; trận đánh đồng thời thể hiện được chính nghĩa và chủ nghĩa nhân đạo của cách mạng Việt Nam.

4. Biên Hòa nơi sản sinh cách đánh đặc công

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt".

Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bót, tháp canh dọc các quốc lộ 1, 15, 20, tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Tháp canh của Pháp gồm hai loại: tháp canh con (tháp nhỏ) cao từ 6 đến 8 mét do 1 bán đội canh giữ; tháp canh lớn (tháp mẹ - tour de la mère) cao từ 10 đến 12 mét do 1 tiểu đội canh giữ. Các tháp canh được xây bằng tường hoặc đá, độ dày từ 0,6-0,8 mét, chia làm ba tầng, tầng trên cùng có nhiều lỗ châu mai. Các tháp canh cách nhau khoảng 300 mét tùy theo địa hình, có cái chỉ cách nhau 100, 150 mét để có thể bắn hỗ trợ lẫn nhau khi bị tấn công. Địa hình xung quanh các tháp canh đều được địch phát trồng, ban đêm có đèn soi, do đó việc đến gần tháp canh rất khó. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Chiến

thuật tháp canh của Pháp còn được gọi là chiến thuật "tầm ăn lá dâu", "vết dầu loang" hay "chiến thuật De Latour".



Ảnh: Hình ảnh tháp canh (Ảnh cắt từ phim tài liệu “Phá tan chiến thuật Đờ-Latua – Chiến công gắn với Anh hùng Trần Công An” do đài PT-TH Đồng Nai thực hiện)
Nguồn ảnh: Phim tư liệu

Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn; việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch không chế.

Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều

tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bụi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lừa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn..., nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó.

Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16 và nhận thấy:

* Muốn đánh được tháp canh phải lọt vào tiếp cận tháp canh, bằng cách lợi dụng sơ hở của địch khi đổi gác, đốt thuốc...

* Phải hóa trang cho tiếp với màu đất xung quanh tháp, mắt không hướng lên khi địch soi đèn.

* Sử dụng thang để lên tháp canh ném lựu đạn vào lỗ châu mai.

Ông chọn một cây độc mộc trong căn cứ, cho vài du kích leo lên cây soi đèn xuống các hướng, bên dưới du kích tập bò vào, rút kinh nghiệm làm lại nhiều

lần đến khi người ngồi trên cây không phát hiện được người phía dưới khi đã vào sát tường.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu



đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trầu, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trên, dùng bùn non bôi lên người. Các anh

vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động).

Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.

Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn

Ảnh: Hình ảnh mô phỏng 3 chiến sĩ đặc công đang tiến đánh tháp canh (Ảnh cắt từ phim tài liệu “Phá tan chiến thuật Đờ-Latua – Chiến công gắn với Anh hùng Trần Công An” do đài PT-TH Đồng Nai thực hiện)
Nguồn ảnh: Phim tư liệu

luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu.

Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét.

Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng.

Đêm 19 – 4 - 1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5 - 1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.

Hội nghị quân sự khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh tháp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công. Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất là đánh vào kho tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đội A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ...

Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

5. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất", là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở

Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12 - 1945, chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2 - 1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An.

Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh khu 7 dời về Đông Thành, chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp tỉnh lộ 16.

Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh

đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; chi đội 10, trung đoàn 310,



Ảnh: Hình ảnh một phần Di tích Căn cứ Khu Ủy Miền Đông (Chiến khu Đ) ngày nay

Nguồn ảnh: Internet

liên trung đoàn 301- 310 cùng các cơ quan binh công xưởng, quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc...

Rừng bao la, dày đặc, nhiều suối với đủ loại cây, trái rừng, củ rừng (củ từ, củ nân, củ mài...), xen kẽ những trảng trống và đủ loại thú rừng từ voi, hổ, báo, bò rừng đến nai, hươu, khỉ, các giống chim, thú bò sát; những bàu Cá, bàu Phụng, bàu Sinh... Đó là những quà tặng của thiên nhiên với vùng căn cứ, đảm bảo được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm lúc khó khăn. Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa nối liền rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ nguy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

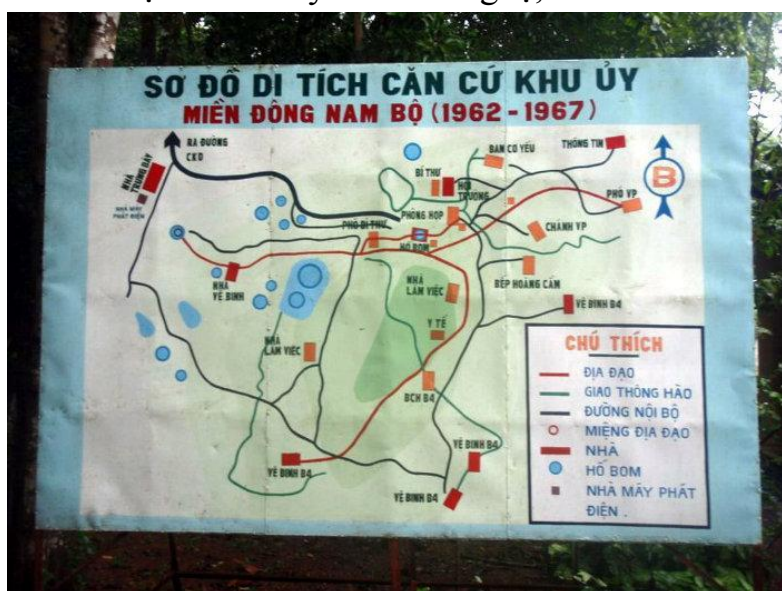
Từ chiến khu Tân Uyên, đêm 1 – 1 - 1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ.

Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn Văn Quỳ - người giữ

rừng miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ đến năm 1968.

Từ căn cứ địa chiến khu Đ, chi đội 10 Biên Hòa đã mở hàng loạt trận đánh giao thông đường bộ, đường sắt ngoài căn cứ phối hợp nhịp nhàng với chiến

trường chung đánh bại cuộc hành



Ảnh: Hình ảnh Sơ đồ Di tích Căn cứ Khu Ủy Miền Đông – Chiến khu Đ (1962 – 1967)

Nguồn ảnh: Internet

quân của thực dân Pháp đánh vào chiến khu Việt Bắc thu đông 1947. Đó là các trận Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá...; trận Đồng Xoài, nhất là trận giao thông chiến nổi tiếng La Ngà

Chiến khu Đ là nơi sản sinh ra cách đánh đặc công, lực lượng đặc công và phổ biến kỹ thuật tác chiến mới ra cả nước, cơ sở để hình thành binh chủng đặc công sau này.

Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại cạm bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gai, mìn gai, đá lồi...để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lần chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.

Chiến khu Đ trải qua không ít khó khăn, nhất là bão lụt tháng 10 năm Nhâm Thìn 1952. Địch càn quét liên tục 52 ngày đêm vào căn cứ; lực lượng ta chặn đánh gây cho địch thương vong nặng phải rút lui. Ta tuy có khó khăn trong cơn bão lụt nhưng bộ đội đã chủ động tấn công bức rút đồn Rạch Đông, phá sập hệ thống tháp canh của địch ven căn cứ từ Rạch Đông đến Cây Đào.

Địch có thể phá hoại một vài cơ sở sản xuất lương thực, hậu cần trong căn cứ nhưng không thể làm chùn bước lực lượng kháng chiến. Đặc biệt chiến khu Đ lại là nơi thể hiện cao tinh thần và ý chí bám trụ chiến đấu kiên cường của bộ đội Cụ Hồ.

Chiến khu Đ là hình ảnh một xã hội mới trong kháng chiến 9 năm. Nơi đây, dân quân đoàn kết một lòng chống giặc. Các phong trào văn hóa như nếp sống mới,

xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, lao động sản xuất thu hút nhân dân từ các vùng. Cuộc sống mới ở căn cứ đã biến chiến khu Đ thành biểu tượng của lòng tin vào cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), tử chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp sông Bé.

Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.

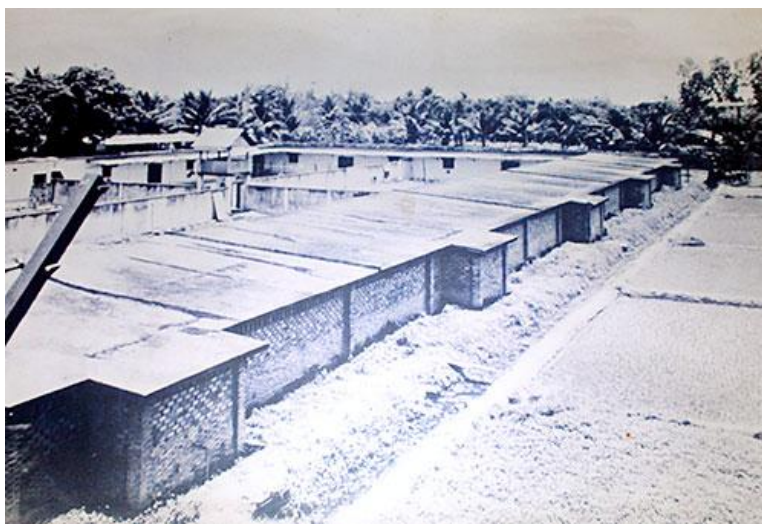
PHẦN 2. NHỮNG CHIẾN CÔNG TIÊU BIỂU CỦA QUÂN DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã kết thúc hơn hai thập kỷ qua. Trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù Mỹ nguy đã dùng mọi thủ đoạn dã man để đánh phá phong trào, sát hại những người con yêu nước ở miền Nam. Nhưng dù trong những hoàn cảnh đen tối nào, quân dân miền Nam vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giữ vững ý chí cách mạng và giữ trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Trong huyền thoại những năm tháng đánh Mỹ ấy, cuộc nổi dậy phá ngục của các chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước ở nhà tù Tân Hiệp Biên Hòa là một minh chứng hùng hồn về ý chí gang thép hành động dũng cảm quật cường, quyết chiến đấu và hy sinh vì độc lập và tự do của Tổ quốc..

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7-1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Với sự chỉ đạo của quan thầy, nguy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch "tố cộng, diệt cộng", mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng trăm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.



Ảnh: Hình ảnh Dãy xà lim Nhà lao Tân Hiệp
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai

Nhà tù Tân Hiệp được

chúng gọi là "Trung tâm huấn chính" Biên Hòa có diện tích 3600 mét vuông nằm cạnh quốc lộ I (đối diện với bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, thuộc phường Tân Tiến), cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 2 km về phía đông. Đây là một trong 6 nhà tù lớn của địch ở miền Nam lúc bấy giờ. Đến thời điểm tháng 12-1956, số lượng tù nhân bị địch giam giữ ở đây là 1872 người trong đó có nhiều nhân sĩ trí thức yêu nước nổi tiếng như: Kỹ sư Lê Văn Thả; nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng...

Đến tháng 11-1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm, nay là anh hùng lực lượng vũ trang) làm bí thư hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khoẻ mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội nguyên là huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 02 -12 - 1956.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ áp sát các mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn.

Trời vào mùa đông, thời tiết se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại. Số các tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa tháp thỏ chờ giờ hành động.

17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô "xung phong" vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trói tên trưởng trạm gác thu toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc, một tổ khác xông vào nhà

tên Tỉnh giám đốc trại giam, không chế hấn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại.

Khi lệnh được phát ra, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ồ ạt chạy về phía cổng. Trước làn sóng người tuôn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Cả một không gian sôi động trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân rậm rập của hàng trăm người. Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình.

Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ và vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn tính mạng nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của địch đối với những anh em còn ở lại hoặc không ra được. Từ đó, hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng và truy đuổi.



Tác giả tham quan nhà lao Tân Hiệp

Theo kế hoạch, khi đã giải quyết xong các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường quốc lộ I, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh xung quanh vòng rào để anh em tiếp tục chạy thoát. Song thực tế do có sự ứn tắc ở cổng chính, nên phương án trên

không thực hiện được Mặt khác, trong hoàn cảnh phải giữ bí mật tuyệt đối, nên việc phổ biến kế hoạch tác chiến gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, nên có trường hợp nhiều tổ xung kích cùng tiến công một mục tiêu. Tuy vậy tất cả các mục tiêu chính như: kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam... lực lượng ta đều vào được và khống chế bọn địch ngay từ phút đầu.

Trước các làn đạn phản kích, bắn xối xả của địch, một số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn hy sinh (22 người) và bị thương khá nhiều, nằm trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối. Trong số đó có nhà báo, nhà thơ Dương Tử Giang.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải luôn lách hốt hoảng chạy bộ đến Bộ tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 (cách đó khoảng 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính sư đoàn 4 dã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiện binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi.

Trong bóng đêm dày đặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy trở nên xơ xác, đượm bầu không khí căng thẳng, ngột ngạt. Hơn 1000 tù nhân còn lại trong các trại trung tâm ở trong tâm trạng lo lắng. Các anh chị vừa mừng lại vừa lo. Mừng vì biết rằng có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên thoát được ra ngoài là nguồn lực bổ sung cho cách mạng đang trong thời kỳ khó khăn ác liệt. Lo là không biết rồi đây số phận những người còn lại sẽ như thế nào? Ngay từ bây giờ anh chị em phải chuẩn bị tư tưởng để tiếp tục đấu tranh với kẻ thù trong tình thế mới. Trước mắt là chịu đựng sự trả thù tàn bạo mà chắc chắn địch sẽ thực hiện. Bên ngoài trại giam, 22 thi thể đồng chí hy sinh và 6 người bị thương nặng nằm rải rác ngay trước cổng trại, sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm.

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở các địa phương trong toàn miền. Mặc dù địch tăng cường lực lượng truy đuổi bố ráp gắt gao, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc kiệt sức trên đường chạy, nhưng nhờ sự đùm bọc che chở của nhân dân,

sự chuẩn bị của tổ chức Đảng cơ sở bên ngoài, không một ai nản lòng thoái chí. 462 đồng chí thoát được, trong đó có hai nữ (Nguyễn Thị Lý và Vũ Thị Thọ) đã trở về được với Đảng, với dân.

2. Trận đầu diệt Mỹ

Ít có đất nước nào mà lịch sử dân tộc lại gắn liền với lịch sử anh dũng chống ngoại xâm như đất nước Việt Nam. Ở đây, mỗi tên đất, tên làng đều trở thành những địa danh gắn liền với nhiều chiến công chói lọi. Từ buổi các vua Hùng dựng nước cho đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, dân tộc Việt Nam đã viết nên bao trang sử hào hùng. Thế kỷ XX khép lại bằng cuộc chiến thắng oanh liệt của dân tộc Việt Nam, một cuộc chiến đấu và chiến thắng kỳ diệu, góp phần đập tan chủ nghĩa thực dân kiêu mới của đế quốc Mỹ. Trong cuộc chiến đấu đó, trên mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai cũng đã làm nên nhiều chiến công xuất sắc, mà trận mở màn thắng Mỹ là trận đánh vào phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) tại văn phòng ở nhà máy của BIF ngày 07 – 07 - 1959.

Nhà máy của BIF (Bien Hoa Industrielle de Forestier - Biên Hòa kỹ nghệ rừng) là một trong những cơ sở công nghiệp đầu tiên ở Biên Hòa và miền Đông Nam bộ được Pháp xây dựng từ năm 1907 tại thôn Tân Mai, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa. Đây là nhà máy có phong trào công nhân phát triển mạnh và nơi sớm hình thành tổ chức Công hội đỏ và chi bộ Đảng Cộng sản vào những năm 30 thế kỷ 20. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhà máy có hàng trăm công nhân thoát ly đi kháng chiến, số công nhân ở lại đều tham gia tích cực ủng hộ kháng chiến. Trong chín năm thực dân Pháp lấy nhà máy làm bộ chỉ huy trung đoàn bộ binh thuộc địa số 22 (22è RIC), đồng thời là sở chỉ huy tiểu khu Biên Hòa, trụ sở phòng nhì Pháp để tìm kẹp đánh phá phong trào kháng chiến ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ngày 1 – 7 - 1958 dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lệ Xuân lập ra "công quản khai thác nhà máy cửa BIF". Sau đó văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn



*Ảnh: Di tích Lịch sử “Nhà Xanh” ngày nay
Nguồn ảnh: Internet*

MAAG (Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Đánh Mỹ, diệt cố vấn Mỹ, ý định táo bạo đó bắt đầu hình thành trong suy nghĩ của một số cán bộ lãnh đạo Liên Tỉnh ủy miền Đông từ những tháng đầu năm 1959.

Tháng 2-1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ. Sau khi bắt liên lạc và trao đổi nhiệm vụ với đồng chí Trương Văn Lễ bí thư Thị ủy Biên Hòa, các đồng chí thống nhất chọn mục tiêu tiến công là đoàn cố vấn Mỹ ở BIF.

Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) trưởng ban quân sự miền Đông viết thư và giao nhiệm vụ cho đồng chí Năm Hoa phối hợp với Thị ủy Biên Hòa, đồng thời phân công đồng chí Lâm Quốc Đăng, phó ban quân sự miền Đông trực tiếp chuẩn bị, tổ chức trận đánh.

Công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương và tuyệt đối bí mật cả bên trong thị xã và bên ngoài căn cứ.

Cuối tháng 6-1959, Liên Tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Ngày giờ được ấn định vào 19 giờ ngày 7-7-1959.

Chiều tối ngày 5 – 7 - 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huệ, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Ngay đêm hôm đó, đơn vị đã về đến gò Cây Trâm Muối, rừng Tân Phong - khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa.

Tại đây, các đảng viên mật của chi bộ sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn địa điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ cho đơn vị.

Ngày 6 – 7 - 1959, đồng chí bí thư Thị ủy vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi thêm tình hình và kế hoạch tác chiến. Vũ khí phân đội mang theo ngoài mỗi người một khẩu tiểu liên còn có một quả mìn kích nổ bằng điện nặng hơn 3 kg. Quả mìn được giao cho đồng chí Huệ và đồng chí Sắc sử dụng đánh địch trong mũi chủ công. Đêm 6-7, phân đội bí mật hành quân về một vạt rừng chồi ở Gò Me, ém quân phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân), một cơ sở cốt cán của Thị ủy Biên Hòa.

18 giờ ngày 7 – 7 - 1959, đồng chí Hưng và anh Năm Lũy (con trai má Xuân) được lệnh ra quan sát mục tiêu lần cuối. Trong lúc đó, các đội viên tự vệ mật do đồng chí bí thư Thị ủy chỉ huy cũng bắt đầu triển khai lực lượng phối hợp chiến đấu.

Khoảng 19 giờ, trời nhá nhem tối, phân đội hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Các ám hiệu, tín hiệu của cơ sở cho thấy bí mật vẫn đảm bảo.

Bên trong cư xá, 6 tên cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim "cái áo rách" do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ở phòng khách tầng trệt.

Khi bọn lính đến phiên đổi gác, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng theo lối công phụ tiến vào áp sát khu cư xá. Hai đồng chí bí mật núp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nhả đạn. Hai đồng chí Sắc và Huệ mang mìn theo lối cửa

hông (lối xuống nhà ăn), lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim, đưa mìn vào đặt sẵn trong phòng.

Nhưng khi các anh mới vào phòng, đèn bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã kết thúc, tên trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa ra lệnh nổ súng. Mấy loạt tiểu liên từ hai phía cửa sổ bắn thẳng vào phòng. Thiếu tá Buis mới tới Biên Hòa hai ngày và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn đang hốt hoảng chạy xuống. Tiếp đó, một tên Mỹ khác cũng nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho địch kịp thời phản ứng và nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ đã chấp nhận hy sinh. Anh hô to châm điện". Đồng chí Sắc ở phía sau chấp mạch hai đầu dây khỏi pin. Một quầng lửa chớp sáng kèm theo một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả khu vực cư xá. Hệ thống đèn điện trong phòng phụt tắt. Đồng chí Huệ đã anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông vào nhà quét vài loạt đạn vào nơi có tiếng kêu gào, rên la của bọn Mỹ và nhanh chóng diu đồng chí Sắc, đưa tử sĩ rút ra ngoài.

Ngay lúc trận đánh diễn ra, đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật đã kịp thời nổ súng diệt tên lính gác công. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên chỉ huy lính bảo vệ và trại lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng phân đội đặc công.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch đều không kịp phản ứng, kể cả bọn lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công vượt lỗ hồng hàng rào, qua sân banh, băng lộ 15 hướng suối Sơn Máu rút về chiến khu an toàn. Các chiến sĩ tự vệ nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình thường của người dân phố thị.

Mãi một giờ sau trận đánh bọn địch từ các nơi mới đến được cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát ở Sài Gòn cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng dấu tích các chiến sĩ cách mạng. Nhưng chúng không thấy gì, ngoài những xác chết của đồng bọn. Suốt đêm tới sáng, lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện

gì thêm ngoài một vài dấu vết chân do các tự vệ mật nghi trang để đánh lạc hướng truy tìm của địch.

Thế là sau mấy tháng âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là phân đội đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích vào trụ sở phái đoàn quân sự Mỹ ở BIF (nhân dân thường gọi là Nhà Xanh) đã giành được thắng lợi.

Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7 rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-ton (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh sách.

3. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp.

Đến năm 1943 phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam.

Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông Nam Á bấy giờ.

Sân bay quân sự Tân Phong Biên Hòa nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa 1 km về phía bắc, cách Sài Gòn 30 km hướng đông bắc, diện tích 40 km² với hai đường băng dài 1000 mét và 3600 mét có trang thiết bị hiện đại, đảm bảo cho các loại máy bay cất cánh hạ



Ảnh: Sân bay Biên Hòa năm 1964
nhìn từ trên cao
Nguồn ảnh: Internet

cánh bất cứ ngày đêm, bất cứ thời tiết.

Sân bay có 5 khu chứa máy bay các loại, có lúc lên đến 460 chiếc. Đây là căn cứ xuất phát của các loại máy bay Mỹ đi đánh phá khắp miền Nam, miền Bắc, Lào và Campuchia. Đồng thời là căn cứ huấn luyện giặc lái cho không quân Sài Gòn. Ở đây, thường xuyên có 2000 nhân viên kỹ thuật, lính thợ. Từ 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.



Ảnh: Ảnh mô phỏng
Trình sát mục tiêu Sân bay Biên Hòa
Nguồn ảnh: Internet

Sân bay được bố phòng nghiêm ngặt. Vòng ngoài được bao bọc bởi các lớp rào kẽm gai các loại có gai mìn, lựu đạn, trái sáng..., bên trong có nhiều chướng ngại, hầm hố. Ngoài cùng là các áp chiến lược, hệ thống đồn bót bao quanh.

Bên trong có nhiều con đường trải nhựa để xe cơ giới tuần tra; cách 100, 150 mét lại có một lô cốt do 1 tiểu đội đóng giữ. Sân bay có hệ thống đèn pha soi sáng vào ban đêm. Lực lượng bảo vệ sân bay có một đại đội pháo binh, một đại đội thiết giáp, một đến hai

tiểu đoàn bộ binh. Công ra vào sân bay có một đại đội an ninh quân đội kiểm soát.

Thị xã Biên Hòa luôn túc trực 2 tiểu đoàn bộ binh ứng chiến sẵn sàng chi viện khi cần. Trên sông Đồng Nai thường xuyên có các giang thuyền tuần tra. Máy bay địch từ Tân Sơn Nhất có thể chi viện bất cứ lúc nào.

Từ tháng 4 - 1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Tổ điều nghiên của đoàn pháo binh Miền do Huỳnh Thành Đồng chỉ huy lên đường làm nhiệm vụ từ tháng 4. Biệt động thị xã Biên Hòa đã hỗ trợ rất tích cực để đội trình sát hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 9 - 1964, đồng chí Lương Văn Nho đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh.

Trên đường hành quân, lực lượng phải mang vác vũ khí nặng qua nhiều ruộng lầy, rừng chồi, vượt qua nhiều đôn bót, áp chiến lược, trong đó có khoảng gần 10 km địa hình trống trải ở ngoại vi sân bay Biên Hòa. Nhân dân chiến khu Đ đã cho mượn ghe xuồng để lực lượng bí mật vượt sông.

Đêm 31 – 10 - 1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa. 23 giờ 20 phút ngày 31 – 10 - 1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn.

Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về chiến khu Đ an toàn. Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-rai-đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 đài quan sát sân bay..., nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết. Trận tập kích bằng pháo vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ gây choáng váng cho địch. Tổng thống Mỹ đang đi vận động tranh cử phải vội vã quay về Nhà trắng để nghe báo cáo về sân bay Biên Hòa bị quân ta tiến công.

Taylor, đại sứ Mỹ ở miền Nam khi đến sân bay sáng ngày 1 – 11 - 1964, trước cảnh hoang tàn đổ nát khủng khiếp đã phải than vãn: "Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế". Các báo chí phương Tây đều đưa tin về trận đánh với nội dung: Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa, thì họ có thể đánh bất cứ đâu khi họ muốn.

Trên báo Nhân Dân số ra ngày 12 – 11 - 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài bình luận, kết thúc bằng 4 câu thơ:

"Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống thẳng lay Nhà trắng
Điện Biên Mỹ chẳng phải chờ lâu"

Đoàn pháo binh U80 của Miền đã được ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực Mỹ nguy và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và nguy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

4. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ nguy ở Biên Hòa.

***. Đánh kho Long Bình**

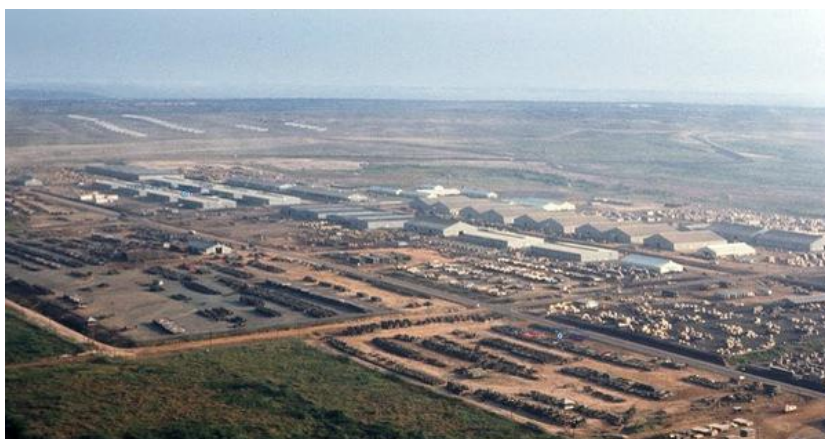
Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.



Tác giả thăm tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hòa

Kho liên hợp hậu cần Long Bình chiếm diện tích khoảng 24 km², cách thành phố Biên Hòa 7 km, Sài Gòn 30 km về hướng đông, phía bắc có một dãy đồi gồm 16 mỏm nối tiếp nhau chạy dài từ bắc xuống nam theo hình cánh cung. Phía nam có sông Đồng Nai chảy từ thành phố Biên Hòa xuống tây nam căn cứ Long Bình đổ ra sông Lòng Tàu. Phía đông có sông Buông chảy từ đông sang tây. Phía bắc có đường quốc lộ 1 và đường sắt đi Long Khánh. Phía tây giáp xa lộ Biên Hòa Sài Gòn. Kho liên hợp Long Bình là khu kho dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình còn là nơi đóng các bộ chỉ huy của Mỹ như: Bộ tư lệnh hậu cần số 1, bộ tư lệnh lục quân, bộ tư lệnh dã chiến 2... Lực lượng chiếm đóng và bảo vệ thường xuyên tại đây có 2.000 tên Mỹ, chủ yếu là nhân viên kỹ thuật, lực lượng bảo vệ, vận tải, sửa chữa.

Bao quanh khu kho Long Bình có từ 7 đến 9 lớp rào kẽm gai các loại có hướng đến 10, 12 lớp, có gài mìn, lựu đạn. Từng khu một trong kho đều có hàng rào ngăn cách. Bên trong khu kho có nhiều đường để cơ giới tuần tra.



Ảnh: Hình ảnh Tổng kho Long Bình nhìn từ trên cao
Nguồn ảnh: Internet

Ngoài lực lượng bảo vệ tại chỗ, về phía đông nam Long Bình có căn cứ Nước Trong, đông bắc có cứ điểm Long Lạc và nhiều đồn bót xung quanh thuộc quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công. Trong tổng kho Long Bình, hai khu quan trọng là khu kho đôi 53 và 50. Kho đôi 53 có diện tích khoảng 3,75 km mét² (rộng 1,2 km, dài 2,5 km), có 18 dãy với khoảng 200 gian kho, chia thành 3 khu lớn, mỗi khu 6 dãy, mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho rộng 25 mét, cao 5,5 mét, có ụ đất dày bao bọc xung quanh chống được các loại pháo bắn thẳng, cửa làm bằng sắt dày 10 ly, có khóa kim loại cứng.

Từ cuối năm 1965, đặc công U1 (Biên Hòa) đã tiến hành nghiên cứu tổng kho Long Bình. Nhiều lần đột nhập vào bên trong kho để trinh sát, lên sơ đồ, đặc biệt là kho đôi 53 và đôi 50. Bom đạn chất thành từng dãy, cách nhau một con đường hẹp, chỉ cần nổ một kho sẽ gây chấn động làm nổ lan ra các kho khác trong khu vực.



Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tư Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Toàn, Phạm

Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đôi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn.

Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu kho đôi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đôi 53 bị phá hủy.

Báo chí của địch ở Sài Gòn đã đưa tin tổng kho Long Bình bị Việt cộng tấn công. Sáng 23-6, tên tướng tư lệnh hậu cần Mỹ lên hiện trường đã chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàn của khu kho 53. Khi được hỏi có biết Việt cộng tấn công kho

Ảnh: Khu vực chứa vũ khí của kho Long Bình bị phá hủy sau trận đánh
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai

không, hấn trả lời: "Nếu tôi biết Việt cộng đánh kho, tôi đã là họ rồi".

Đây là trận tiến công đầu tiên vào tổng kho Long Bình của Mỹ phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa.

Đặc công Biên Hòa đã được Trung ương cục, Quân ủy Miền tặng huân chương Quân công hạng 3 cho đơn vị và 4 huân chương Chiến công hạng 3 cho các chiến sĩ đã lập công đầu. Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12 - 1966, để hỗ trợ toàn Miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2-1967, khi đế quốc Mỹ chuẩn bị mở trận càn Gian-xon-xi-ty (Junction City) vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công, biệt động Biên Hòa đã liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình.

Cùng lúc, đội 1 đặc công tấn công sân bay Biên Hòa, đêm 3-2-1967, đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đôi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4-

2, khu kho đồi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ đồng hồ. Ta phá hủy 40 dãy kho với 800.000 quả đạn đại bác của Mỹ.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.

Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng "dạ dày" của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn Miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: "Bình chủng đặc công quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 19-3-1967"

Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn 1) cùng sư đoàn 5 (chủ lực Miền), trung đoàn DKB pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại. Chiến dịch xuân Kỷ Dậu 1969, đại đội 9, tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh khu kho đồi 50, 53, bom pháo bị phá hủy, nổ liên tục trong 7 ngày đêm.

Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113.

Trên cơ sở điều nghiên trước đó của đặc công Biên Hòa, ngày 12-8-1972, tiểu đoàn 9 đặc công đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53. Thuận lợi là trong đêm đó, địch mở cửa kho để xả hơi, do đó đặc công ta vào được trong kho đặt mìn vào các dãy kho. Từ 1 giờ 40 phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13-8-1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 5.430 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ ngụy đền tội.

Các đơn vị tham gia trận đánh đã được tặng thưởng 1 huân chương Quân công giải phóng hạng 3, 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng 2, 16 huân chương Chiến công giải phóng cho các chiến sĩ.

Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa chữa, nâng cấp và mở rộng.

Kho nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18 km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ). Kho có chiều dài 1,5 km, rộng 1 km. Phía bắc, sát hàng rào kho có lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho Long Bình. Con sông Sâu song song với lộ 17 từ Cát Lái chảy vào sông Đồng Nai, chiều rộng 400 mét, sâu 13 mét, nước chảy xiết, bờ nam sông có 3 cảng cách nhau từ 200 đến 250 mét.

Tàu trọng tải 6.000 tấn ra vào cảng dễ dàng. Phía đông, kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trảng trống. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, ông Kèo ven lộ 19. Phía tây có ấp chiến lược Phước Lý và lộ 19.

Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jép có gắn đại liên để cơ động tuần tiễu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu.

Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Đặc khu là một khu vực quân sự đặc biệt rộng 60.000 hecta.

Nhiệm vụ của đoàn 10 đặc khu Rừng Sác là: đánh tàu chở hàng quân sự trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện...

Đoàn 10 đặc công Rừng Sác hoạt động ở địa hình sông nước, phức tạp, thường xuyên thiếu nước ngọt, lương thực, lại phải liên tục chống địch càn quét. Đoàn phải bám dân xây dựng cơ sở ở cách mạng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, ngoài vũ khí được trang bị, đoàn 10 còn phải tự sáng tạo vũ khí để đánh địch. Đoàn 10 đã rèn luyện thành thực, giỏi bơi lội, nhờ vậy đã đánh được tàu địch đang di chuyển trên sông, tàu địch cập cảng, các kho tàng (mục tiêu trên bộ), các bến bãi (mục tiêu dưới nước), đánh giao thông đôn bót và pháo kích, áp sát các mục tiêu, đánh sâu vào nội thành.

Trên địa bàn Biên Hòa, hai trận đánh kho Thành Tuy Hạ của đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tầng quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công đoàn 10 do đội trưởng



Ảnh: Khu Di tích Địa đạo Nhon Trạch ngày nay
Nguồn ảnh: Internet

Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh.

Mỗi dãy kho cách nhau từ 15 đến 20 mét. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dãy 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12-1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung.

Tiếng nổ làm chấn động cả Sài Gòn. Tiếng nổ và cháy liên tục đến ngày 14-12 mới chấm dứt. Ta đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60. 192 mét khối. Tính về trọng lượng, đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khu kho.

Bộ chỉ huy Miền đã tặng thưởng 1 huân chương Quân công hạng 3 cho tổ chiến đấu và 5 huân chương Chiến công cho 5 chiến sĩ đặc công.

5. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968.

Chuẩn bị cho cuộc tiến công, chiến trường Đồng Nai có sự điều chỉnh lại gồm các đơn vị chiến trường như sau:

- Tỉnh U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom)
- Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch và sở cao su Bình Sơn thuộc về phân khu 4.
- Huyện Long Khánh, Định Quán thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh.

Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Bộ tư lệnh 2 đã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), quân đoàn 3 nguy, Nha cảnh sát miền Đông...

Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh phó-Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp về căn cứ Tỉnh ủy ở Bàu Sao (Trảng Bom) để triển khai nghị quyết Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền, giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) và Bộ tư lệnh sư 5.



Ảnh: Trận đánh Mậu Thân 1968

Nguồn: Internet

Đồng chí Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm có: Tư lệnh: đồng chí Trần Minh Tâm, sư trưởng sư đoàn 5 Miền; phó tư lệnh: đồng chí Trần Công An, tinh đội trưởng U1; chính ủy mặt trận: đồng chí Sáu An; chính ủy sư đoàn 5 Miền: đồng chí Dũng; đồng chí Phan Văn Trang là phó chính ủy mặt trận.

Bố trí lực lượng tại mặt trận thị xã Biên Hòa gồm sư đoàn 5 chủ lực Miền; lực lượng phối thuộc trung đoàn 4, trung đoàn DKB và tiểu đoàn 1 và 2 đặc công 1, đội biệt động thị xã; bộ đội địa phương và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

Đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã dùng bộc phá đánh bung các lớp rào kẽm gai, tiến vào sân bay, dùng B40, thủ pháo tiến công các khu vực chứa máy bay, phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc Bà Thức tấn công vào sườn của tiểu đoàn 1, bịt kín lối ra sân bay. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời phát triển vào khu cư xá của giặc lái và chuyên viên kỹ thuật, diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Đại đội 1 tiểu đoàn 1 đã hy sinh anh dũng trong sân bay (chỉ còn 1 đồng chí trở về).

Đặc công sư 5 và biệt động thị xã đã tiến công phía tây sở chỉ huy quân đoàn 3. Lực lượng đã bám trụ đánh địch phản kích ác liệt, kiên quyết giữ bàn đạp để hỗ trợ tiểu đoàn 1 ở sân bay. Lực lượng tuy có bị thương vong, nhưng đã chiến đấu kiên cường.

Cùng thời gian, tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 5 sư 5 và đặc công sư đoàn tiến công vào Bộ tư lệnh dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Máy bay địch từ sân bay Tân Sơn Nhất lên bắn rốc két ngay vào đội hình và triển khai xe tăng bao vây tiểu đoàn. Tiểu đoàn 2 bị thương vong. Ở khu ngoại vi kho Long Bình, đại đội C92 pháo mặt đất chống trả quyết liệt với lữ đoàn 199 Mỹ, anh dũng chiến đấu đẩy lùi 5 đợt phản kích của địch. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tu Già) chỉ huy đột nhập khu kho đôi 53, đặt trái đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tiếng nổ kéo dài đến mấy ngày sau chưa dứt.

Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tai sai ác ôn.

Sáng mừng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

6. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3 -1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng Mỹ Uây-en, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ ngụy ở Sài Gòn.

Uây-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới, chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uây-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Ngay trong ngày 28-3, Uây-en cùng tướng ngự Cao Văn Viên bay lên Xuân Lộc để thị sát và trực tiếp chỉ huy xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng với hàng ngàn lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng ở quân đoàn 3 như: sư đoàn 18, lữ đoàn dù số 1, liên đoàn 7 biệt động quân, lữ đoàn 3 thiết giáp... Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc".

Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31-1 -1975 đến 8-2-1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình"

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, Thị ủy Long Khánh đã hạ quyết tâm: Dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho chủ lực (quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Long Khánh.

Đến cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.

Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực quân đoàn 4. Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến dịch. Nhân dân đã đưa vào các kho dự trữ 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều hàng hóa khác phục vụ chiến dịch. Thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Long Khánh trước chiến dịch Xuân Lộc đã được bộ Tư lệnh quân khu 7 đánh giá

cao: Việc áp sát của quân khu chung quanh thị xã đã tạo điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh.

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát sư đoàn 1, sư 7 (quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã đi ều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính Ngụy.

Sáng ngày 9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ bồng con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và k8 - bộ đội huyện đánh tan liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thị, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù nguy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Để tránh thiệt hại cho dân, bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hỏa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ cống ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15-4, sư đoàn 6 diệt gọn chiến đoàn 52 thuộc sư 18 ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19-4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18-4, lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 18 ra lệnh "tùy nghi di tản".

22 giờ ngày 20-4-1975 hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 21-4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

7. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975 trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền trung và duyên hải miền trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn.

Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc bị đập tan, thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ án ngữ cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

*Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975.

*Quân đoàn 4 từ sở Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quân đến đó. Quân đoàn đánh chiếm quân đoàn III, sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975 Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quần chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến 15-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng: 1/ Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc. 2/ Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn. Kế hoạch gồm các điểm chính như sau:

* Phổ biến chủ trương giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Cán bộ, đảng viên, cốt cán đều vui mừng phấn khởi, ai cũng bắt tay ngay vào việc. Ủy ban khởi nghĩa được tổ chức ở nội thành Biên Hòa, các xã, phường ngoại ô và khu kỹ nghệ Biên Hòa.

*Lực lượng tại chỗ là đảng viên, đoàn viên, cốt cán nắm quần chúng và phòng vệ dân sự của địch là cơ sở của ta có trang bị súng để cùng quần chúng nổi dậy giành chính quyền tại ấp, xã, huyện, tỉnh

*May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

*Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa.



Ảnh: Nhân dân vui mừng sau khi
Biên Hòa hoàn toàn giải phóng năm 1975
Nguồn ảnh: Báo Đồng Nai

Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình.

Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng

*Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29-4-1975.

*Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29-4-1975.

*Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9-4-1975.

Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cắm cờ ở tòa hành chánh Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30-4-1975; sau đó là dinh trung tướng Toàn, tư lệnh quân đoàn III, nha cảnh sát miền Đông, quân đoàn III, ty cảnh sát Biên Hòa, quận Đức Tu.

* Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm tòa hành chính Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975.

* Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày.

* Ban An ninh T1 chiếm giữ nha cảnh sát miền Đông, ty cảnh sát Biên Hòa.

* Ban An ninh thành phố Biên Hòa, chiếm giữ quận Đức Tu.

* Lực lượng trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa.

Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phần 3. Những cảm nhận về truyền thống đấu tranh của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai

Thật tự hào khi vùng đất Biên Hòa là cái nôi khởi phát trường huấn luyện quân sự tại miền Nam, của cách đánh đặt công oai dũng đi vào lịch sử, của chiến khu Đ,... thật tự hào khi người Biên Hòa chính là người sáng tạo nên cách đánh hay, tướng lĩnh Biên Hòa là những vị chỉ huy giỏi và tài năng dám hy sinh bản thân mình cho đại cuộc chung là giải phóng Biên Hòa và góp phần vào chiến thắng Niềm nam thống nhất đất nước và kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975) lịch sử.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những chiến công của quân dân Biên Hòa trong kháng chiến chống Pháp thật lớn lao và vĩ đại, những chiến công này chính là

trí óc, là xương, là máu, là sự hy sinh của bao bậc cha ông đi trước. Nhìn về quá khứ, soi chiếu đến hiện tại và tương lai, những thắng lợi không chỉ có giá trị trong thời chiến mà còn có giá trị nhận thức và giáo dục trong thời bình của các thế hệ mai sau.

21 năm kháng chiến chống Đế quốc Mỹ là 21 năm gian lao, hy sinh nhưng cũng đầy tự hào. Bao máu xương đã đổ của các anh, cha, chú bao người mẹ mất con, bao người vợ mất chồng, bao gia đình tan thương... để có được một đất nước Việt Nam độc lập, tự do như ngày hôm nay.

9 năm kháng chiến chống Pháp, 21 năm kháng chiến chống Mỹ, nhìn trong khoảng thời gian 320 năm hình thành và phát triển của một vùng đất quả là không dài, nhưng nhờ có 30 năm chiến đấu gian lao và anh dũng để giải phóng đó chính là nền tạo động lực để vùng đất này chuyển mình đứng lên, và có những thay đổi vô cùng vượt bậc trở thành một tỉnh công nghiệp hiện đại như ngày hôm nay.

Đối với con - là học sinh, được học lịch sử địa phương ở những năm cấp 1 và tìm hiểu và thống kê lại toàn bộ chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến của cuộc thi này, con cảm thấy kính nể và biết ơn các bậc tiền nhân đi trước. Thế hệ trẻ chúng con xin ra sức học tập và trao dồi kiến thức, rèn luyện đạo đức để đền đáp những công ơn của ông cha, để tiếp nối những truyền thống tốt đẹp trong chiến đấu bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống mà bậc tiền nhân đã tạo ra, cố gắng xây dựng tỉnh nhà ngày một phát triển.

Thật khâm phục và tự hào những chiến công hiển hách của cha ông vùng đất Biên Hòa xưa, nể phục hơn nữa ở tinh thần ngoan cường, sự bền gan, bền chí trong quyết tâm chiến thắng kẻ thù của cha ông. Những chiến công tác giả vừa tìm hiểu chính là bài học thiết thực, là tấm gương sáng để chúng tôi – những thế hệ trẻ mãi noi theo và giữ gìn.

Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm

lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đe bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

Qua trận đánh, có thể thấy nhân dân là một phần không thể thiếu trong kháng chiến. Nhờ có nhân dân, trận đánh mới có thể thực hiện và giành chiến thắng. Xin cảm ơn những người công nhân công ty cao su đã trích ra khẩu phần ăn của mình để dành cho bộ đội, cảm ơn những người mẹ dân tộc, những người già làng của đồng bào Chơ ro, Stiêng đã hiểu về cuộc chiến mà nuôi và bảo vệ bộ đội. Không ai khác, nhờ họ, nhờ lực lượng hậu phương vững chắc mà tiền tuyến mới yên tâm chiến đấu và giành được thắng lợi vẻ vang trong trận chiến La Ngà nói riêng và toàn bộ những trận chiến nói chung.

Thật tự hào khi vùng đất Biên Hòa là cái nôi khởi phát trường huấn luyện quân sự tại miền Nam, của cách đánh công oai dũng, của chiến khu Đ,... thật tự hào khi người Biên Hòa chính là người sáng tạo nên cách đánh hay, tướng lĩnh Biên Hòa là những vị chỉ huy giỏi và tài năng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những chiến công của quân dân Biên Hòa trong kháng chiến chống Pháp thật lớn và vĩ đại, những chiến công này chính là trí óc, là máu xương, là hy sinh của bao bậc cha ông đi trước. Nhìn về quá khứ, soi chiếu đến hiện tại và tương lai, ta thấy được những chiến công của cha ông đi trước thật sự vĩ đại, những thắng lợi không chỉ có giá trị trong thời chiến mà còn có giá trị nhận thức và giáo dục trong thời bình.

Từ trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên đêm 18 rạng sáng 19 tháng 3 năm 1948 đã mở ra một cách đánh địch mới trong khi địch ở vị trí cố thủ vững chắc. Từ chiến trường Biên Hòa, Nam Bộ, lực lượng đặc công phát triển rộng khắp cả nước với sự nâng cao về tổ chức, chiến lược, nguồn nhân lực, vật lực... Trong kháng chiến, đã hình thành 3 loại lực lượng đặc công: Đặc công Bộ, Đặc công Nước và

Đặc công Biệt Động... Với 3 lực lượng đặc công, tùy theo thể trận mà người chỉ huy sẽ quyết định dùng lực lượng nào cho phù hợp.

Đối với tác giả, thật tự hào khi là người con sinh ra và lớn lên tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Theo bài viết, đây chính là những bằng chứng cho thấy vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai chính là vùng đất địa linh nhân kiệt. Vùng đất này không chỉ có những con người anh dũng hy sinh xương máu cho Cách mạng, không chỉ có những người dân cần lao một lòng cùng bộ đội đứng lên... mà còn có những cha ông tài trí trong suy nghĩ, linh hoạt trong chiến lược để có thể sáng tạo cách đánh hay, độc đáo mà đến quân đội Pháp, Mỹ còn phải cuối đầu xin thua.

Phần 4: Liên hệ thực tiễn bản thân

Qua tìm hiểu về truyền thống cách mạng của quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai, cuộc thi này, giúp con hiểu thêm về lịch sử tỉnh Đồng Nai để từ đó con càng thêm trân quý những công lao to lớn của quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai đã cống hiến cho mảnh đất Đồng Nai quê hương con. Và từ đó làm con thêm yêu và tự hào về những gì mà cha, ông ta, những bậc hiền tài đã cống hiến và xây dựng đất nước.

Do đó, con càng phải cố gắng học tập thật tốt để luôn xứng đáng với truyền thống bất khuất, anh dũng, kiên cường của quân và dân Biên Hòa, Đồng Nai.



LỜI KẾT

Qua tìm hiểu về chủ đề cuộc thi năm nay, con cảm nhận được lòng yêu nước nồng nàn, thương dân; về đức tính thanh liêm, chính trực; về khí phách kiên cường oai hùng đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bất công, cường quyền của quân và dân Biên Hòa.

Qua các trận đánh suốt 30 năm, con thấy rằng với sự chỉ đạo và đường lối đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp Đảng bộ và quân dân Đồng Nai với sự chỉ đạo lý tưởng “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, thách thức, làm nên những chiến thắng có ý nghĩa lịch sử như phá khám Tam Hiệp, đánh Mỹ đầu tiên ở Nhà Xanh, đánh sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, thực hành cuộc tiến công nổi dậy Mậu Thân 1968, đợt tiến công xuân Kỷ Dậu 1969, chiến dịch Xuân Lộc mùa xuân 1975 tiến tới cùng cả nước “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn, đưa đất nước sang kỷ nguyên mới: Độc lập tự do, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ cứu nước là trang sử sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là thắng lợi của đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, là thắng lợi của sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân toàn dân toàn diện.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, Nxb Đồng Nai 1998.
2. Dương Văn An, Ô Châu cận lục, Nxb Thuận Hóa, 2001

3. Địa chí Đồng Nai, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2001.
4. Đinh Văn Hạnh, Nguyễn Hữu Cảnh - Đức trái cội Nam, Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
5. Hội Đồng hương Quảng Bình tại TP. HCM, Quảng Bình nước non huyền diệu, Nxb Văn Nghệ TP. HCM, 2000.
6. Hội Khoa học Lịch sử TP. HCM, Nam bộ đất và người, Nxb Trẻ, 2002
7. Huỳnh Lứa (chủ biên), Lịch sử khai phá vùng đất Nam bộ, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
8. Ngô Minh Oanh, Dấu ấn quê hương và gia đình trong sự nghiệp của Chuông cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700), Đại học Sư phạm TP. HCM.
9. Nguyễn Hữu Cảnh, Chân dung người mở cõi, Nxb Cà Mau, 1997
10. Như Hiên - Nguyễn Ngọc Hiên, Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai phá miền Nam nước Việt cuối thế kỉ XVII, Nxb VHTT, Hà Nội, 1993.
11. Phan Khoang, Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777, Nxb Văn học, 2001
12. Phương đình Nguyễn Văn Siêu, Đại Việt địa dư toàn biên, Viện sử học, Nxb Văn hóa Hà Nội, 1997.
13. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam liệt truyện tiền biên, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
14. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí* Quyển 6 Thành trì chí, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai, 2004.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, Nxb Thuận Hóa, 1992.
16. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục tiền biên, Nxb Sử học; Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1962-1978.
17. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Lý Việt Dũng (dịch và chú giải), Huỳnh Văn Tới (hiệu đính, giới thiệu). Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2008

18. Trần Văn Giàu (chủ biên), Địa chí văn hóa TP. HCM, Nxb TP. HCM, 1987.
19. Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia Định thành thông chí* Quyển 3 Cương vực chí, Lý Việt Dũng dịch, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai, 2004.
20. Địa chí Đồng Nai phân tổng quan, tập 1, tập 2, tập 3, tập 4.
21. http://vi.wikipedia.org/wiki/Lịch_sử_hành_chính_Đồng_Nai
22. www.Vanmieutranbien.com.vn
23. http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Hữu_Cảnh
24. <http://dongnai.gov.vn> và <http://quangbinh.gov.vn>
25. http://vi.wikipedia.org/wiki/Văn_Miêu_Trần_Biên